TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/DS-ST
Ngày: 29-4-2026
V/v tranh chấp đòi lại
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Văn Hòa.

Ông Sơn Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ:*** Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157A/2026/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Sơn Thị H (tên gọi khác: Q), sinh ngày 01/01/1974 (có mặt).

2. Bà Sơn Thị P, sinh ngày 01/01/1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Sơn D, sinh ngày 01/01/1949 (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh H1 (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh ngày 01/01/1966 (vắng mặt).

3. Bà Sơn T2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

4. Bà Sơn Thị T1 (S), sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

5. Ông Sơn H2, sinh ngày 01/01/1977 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số I, ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 06 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn bà Sơn Thị H và bà Sơn Thị P trình bày:

Vào năm 1997, mẹ bà H, bà P là bà Thạch Thị S (S), (bệnh chết ngày 07/02/2012) có một thửa đất diện tích 11.180m^2 (trong đó, thửa 489, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2 đất T + 150m^2 đất LnK; thửa đất số 587, tờ bản đồ số 02 diện tích 2.500m^2 đất 2L; thửa đất số 588, tờ bản đồ số 02 diện tích 8.230m^2 đất 2L), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (sau đó là ấp Trà Quýt A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/02/1997. Phần đất nêu trên bà S, khi còn sống bà chia cho 03 người con của bà mỗi người một phần có tên như sau: 1. Sơn Thị H, 2. Sơn Thị P, 3. Sơn Thị T2.

Về phần đất của bà Sơn Thị T2, không sử dụng nên bà chuyển nhượng lại cho ông Sơn D (thửa đất số 587, diện tích 1.100m^2, thửa đất số 588, diện tích 3.180m^2. Tổng diện tích 02 thửa đất là 4.280m^2). Nhưng không biết cách nào mà ông Sơn D đi tách thửa đất trong khi chị em bà H, bà P không biết và không ký tên trong hồ sơ chuyển nhượng đất cho ông Sơn D. Đồng thời khi mẹ bà H, bà P còn sống đã bán thửa đất số 588, diện tích 1.158m^2 cho ông Đoàn Thanh S1 và ông Phạm Thế N diện tích 1.240m^2. Như vậy, thửa đất nêu trên diện tích còn lại là 4.502m^2.

Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên ông Sơn D đang giữ, không trả lại cho chị em bà H, bà P.

Bà Sơn Thị H và bà Sơn Thị P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Sơn D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/02/1997 cho chị em bà H, bà P.

Tại văn bản trình bày ý kiến lập ngày 03/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Sơn D trình bày:

Mẹ ông Sơn D là bà Thạch Thị S2, sinh năm 1932 được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 gồm

có 03 thửa đất: thửa số 489, diện tích 450m^2, loại đất (thổ cư 300m^2 + 150m^2 đất cây lâu năm); thửa số 587, diện tích 2.500m^2, loại đất 2 lúa; thửa số 588, diện tích 8.230m^2, loại đất 2 lúa. Đối với thửa đất số 489, diện tích 450m^2 hiện do Sơn Thị H và Sơn Thị P sử dụng. Thửa đất số 587, diện tích 2.500m^2. Trong đó: Diện tích 1.100m^2 bà S2 chuyển nhượng cho ông Sơn D, ông D đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 184412 ngày 25/01/2006. Diện tích 1.400m^2 bà S2 cho Sơn Thị H sử dụng đến nay. Thửa đất số 588, diện tích 8.230m^2, bà S2 chuyển nhượng cho ông Đoàn Thanh S1 diện tích 1.168m^2 vào ngày 16/6/2000, bà S2 chuyển nhượng cho ông Phạm Thế N diện tích 1.240m^2 vào ngày 17/01/2007, bà S2 chuyển nhượng cho ông S3 Del diện tích 3.180m^2, ông Sơn D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 184412 ngày 25/01/2006. Diện tích còn lại 2.165m^2, bà S2 cho con là bà Sơn Thị T2 sử dụng đến năm 2013, bà T2 chuyển nhượng lại cho ông Sơn D nhưng ông D không làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vì một phần diện tích đất nằm trong quy hoạch sử dụng đất của huyện C. Diện tích 477m^2, bà S2 cho con là bà Sơn Thị P sử dụng đến nay nhưng vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được vì diện tích không đủ điều kiện tách thửa. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ông Sơn D trình bày: Hiện nay, ông đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006 nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông D không đồng ý vì trong diện tích đất trên, ông D có nhận chuyển nhượng một phần đất của mẹ ruột ông khi mẹ ruột ông còn sống, khi nào ông làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì ông sẽ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, bà P.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn H2 trình bày:

Ông Sơn H2 là con ruột của bà Thạch Thị S (S), cha ruột ông H2 tên Sơn H3 đã chết trước bà S (bà S chết năm 2012). Cha, mẹ ông có 04 người con chung gồm: Sơn Thị T1, Sơn H2, Sơn Thị H, Sơn Thị P. Bà Sơn Thị T1 đi Campuchia sống từ rất lâu, ông H2 không biết địa chỉ cụ thể, trước khi đi Campuchia sống thì bà T1 cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ. Ngoài ra, trước khi mẹ của ông H2 là bà S chung sống với cha của ông thì bà S đã có 03 người con gồm: Ông Sơn D, bà Sơn Thị T3, bà Sơn Thị T2. Bà T3 đã chết, chồng bà T3 là ông Huỳnh H1 và con là bà Huỳnh Thị T, ông H2 không rõ địa chỉ cụ thể của ông H1, bà T, còn bà Sơn Thị T2 thì hiện nay đang ở Campuchia, không rõ địa chỉ cụ thể. Bà T2 có người con ruột tên Sơn Thị T4, sinh năm 1988 nên Sơn Thị T4 không phải là con ruột của mẹ ông H2. Việc bà H, bà P khởi kiện ông Sơn D giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp cho hộ bà Sơn Thị S4 thì ông H2 không có ý kiến gì, ông H2 không có liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1. Tòa án đã ban hành thông báo về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng và đã tống đạt hợp lệ

cho ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 nhưng ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 vắng mặt không có lý do và Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được nên không có lời khai của ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn bà Sơn Thị H, bị đơn ông Sơn D kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Sơn Thị P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1, ông Sơn H2 chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Sơn Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị P đối với bị đơn ông Sơn D.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Sơn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp cho hộ bà Thạch Thị S2. Xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cá nhân bà Sơn Thị H mà của hộ bà Thạch Thị S2 và bà S2 đã chết vào năm 2012, bà S2 có các con gồm: Ông Sơn D, bà Sơn Thị T3, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1, ông Sơn H2, bà Sơn Thị H, bà Sơn Thị P nhưng bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia thừa kế tài sản do bà Thạch Thị S2 đứng tên là quyền sử dụng đất còn lại được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 mà chỉ yêu cầu ông D phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà H giữ (quản lý). Việc ông Sơn D là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Thạch Thị S2 giữ (quản lý) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị H.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện là ông Sơn D có địa chỉ nơi cư trú ấp Trà Quýt A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ). Người khởi kiện bà Sơn Thị H, bà Sơn Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) buộc bị đơn ông Sơn D trả cho các nguyên đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp cho hộ bà Thạch Thị S2. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho bà H, bà P nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và bà H, bà P đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của bà Sơn Thị H, bà Sơn Thị P là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Sơn Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị P đối với yêu cầu ông Sơn D trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Thạch Thị S2.

[1.3] Đối với địa chỉ nơi cư trú của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1. Nguyên đơn bà Sơn Thị H, bị đơn ông Sơn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn H2 cho rằng ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 đang cư trú tại Campuchia nhưng không biết địa chỉ cụ thể của họ ở Campuchia. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 đang cư trú tại Campuchia và C cũng không xác định được ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 có xuất cảnh sang Campuchia. Bà Sơn Thị H, ông Sơn D, ông Sơn H2 đều khai nơi cư trú sau cùng của ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ) và tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 13/02/2025 xác định ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 có địa chỉ nơi cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ theo khoản 3 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp

đơn khởi kiện lại vụ án, quy định: *"Địa chỉ "nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từng cư trú, làm việc hoặc có trụ sở mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh"*, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1 tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1, ông Sơn H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh H1, bà Huỳnh Thị T, bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1, ông Sơn H2.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Sơn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi ông Sơn D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp cho hộ bà Sơn Thị S4 cho bà H giữ (quản lý) nhưng ông Sơn D là người trực tiếp đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, không đồng ý trả cho bà Sơn Thị H. Với lý do vì trong diện tích đất trên, ông D có nhận chuyển nhượng một phần đất của mẹ ruột ông (bà Thạch Thị S2) khi mẹ ruột ông còn sống, khi nào ông làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì ông sẽ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Sơn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cá nhân bà Sơn Thị H mà của hộ bà Thạch Thị S2 và bà S2 đã chết vào năm 2012, bà S2 có các con gồm: Ông Sơn D, bà Sơn Thị T3 (bà T3 đã chết, có người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông Huỳnh H1 và con là bà Huỳnh Thị T), bà Sơn Thị T2, bà Sơn Thị T1, ông Sơn H2, bà Sơn Thị H, bà Sơn Thị P nhưng bà H, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia thừa kế tài sản do bà Thạch Thị S2 đứng tên là quyền sử dụng đất còn lại được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Thạch Thị S2 mà chỉ yêu cầu ông D phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt*

hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại" và khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"*. Xét thấy, bà Sơn Thị H không phải là người chủ sở hữu đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Thạch Thị S2 và việc ông Sơn D là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Thạch Thị S2 giữ (quản lý) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H. Ngoài ra, bà Sơn Thị H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ và hợp pháp. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn bà Sơn Thị H. Giành quyền khởi kiện yêu cầu về chia thừa kế tài sản trong một vụ án khác cho các đương sự trong vụ án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

[6.1] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Sơn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị P bị đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do) nên số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm của bà Sơn Thị P được sung vào công quỹ nhà nước. Do bà Sơn Thị H và bà Sơn Thị P đã cùng nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng (mỗi người 150.000 đồng) nên bà H còn phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng, sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 150.000 đồng mà bà Sơn Thị P đã nộp.

[6.2] Bị đơn ông Sơn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 164 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị P đối với yêu cầu ông Sơn D trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Thạch Thị S2.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị H đối với yêu cầu ông Sơn D phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 142006, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00320 QSDĐ/ ngày 12/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Thạch Thị S2.

3. Về án phí:

3.1. Nguyên đơn bà Sơn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án thu số 0000679 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ). Như vậy, bà Sơn Thị H còn phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án thu số 0000679 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ) của bà Sơn Thị P.

4. Nguyên đơn bà Sơn Thị H, bị đơn ông Sơn D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn bà Sơn Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn